

Số: /QĐ-UBND Hưng Yên, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chuyển đổi công năng sử dụng xe ô tô và phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định 22/2024/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh quy định về số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh quy định về phương thức quản lý và thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ kết luận tại Cuộc họp Ban cán sự Đảng UBND tỉnh ngày 05/11/2024;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 221/TTr-STC ngày 01/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chuyển đổi công năng sử dụng xe ô tô và phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

1. Phê duyệt chuyển đổi công năng sử dụng xe ô tô của cơ quan nhà nước, cơ quan, đơn vị của Đảng ở tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và điều chuyển cho đơn vị còn thiếu xe ô tô để thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô của tỉnh: *(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).*

2. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung (không bao gồm xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy trừ xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy) và xe ô tô chuyên dùng (không bao gồm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế và xe ô tô chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên sau khi đã thực hiện chuyển đổi công năng để điều chuyển xe ô tô theo quy định tại khoản 1 Điều này: *(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh:

a) Thực hiện trình tự, thủ tục xử lý xe ô tô (điều chuyển, thanh lý) đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024), Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hạch toán, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị đối với xe ô tô được giao quản lý, sử dụng. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về xe ô tô theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Căn cứ Phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xử lý xe ô tô theo quy định của pháp luật.

b) Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 22/2024/QĐ-UBND ngày 08/7/2024, số 34/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024, số 2335/QĐ-UBND ngày 29/10/2024, phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô được phê duyệt tại Quyết định này và nguồn kinh phí thực hiện mua sắm (nguồn ngân sách nhà nước cấp, ngân sách nhà nước hỗ trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn kinh phí khác được phép sử dụng theo quy định của pháp luật),

lập kế hoạch mua sắm xe ô tô để trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó ưu tiên các đơn vị có tiêu chuẩn, định mức nhưng chưa có xe ô tô hoặc có xe ô tô nhưng phải thay thế do xe quá cũ, không đảm bảo an toàn sử dụng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

c) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của HĐND tỉnh) xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 chỗ ngồi đến 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (nếu cần thiết) đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Lê Huy

Phụ lục I
CHUYỂN ĐỔI CÔNG NĂNG SỬ DỤNG XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH HUNG YÊN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của UBND tỉnh)

I. Chuyển đổi công năng sử dụng xe ô tô từ xe ô tô chuyên dùng sang xe ô tô phục vụ công tác chung và điều chuyển cho đơn vị còn thiếu xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện sắp xếp xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP

STT	Thông tin về xe				Đơn vị chuyển đổi công năng và điều chuyển xe	Đơn vị tiếp nhận xe chuyển đổi công năng					Ghi chú		
	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng		Tên đơn vị	TCĐM xe PVCTC tại QĐ số 22/2024/QĐ-UBND	Số xe hiện có của đơn vị sau tiếp nhận					
								Số xe PVCTC hiện có	Số xe tiếp nhận	Xe đủ điều kiện thanh lý		Xe còn thiếu sau xử lý	
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=8-(9+10)-11	13	
						Văn phòng Tỉnh ủy	5	3	1	1	1		
1	07 chỗ	Toyota	89A-00006	2011	Văn phòng Tỉnh ủy				1				Tại cơ quan, đơn vị
						Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh	6	5	3	3	0		
3	07 chỗ	Toyota Fortuner	89A-00146	2015	Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh				1				Tại cơ quan, đơn vị
4	07 chỗ	Toyota Inova 2.0	89A-00121	2012	Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh				1				
5	16 chỗ	Ford Transit Mid	89A-00268	2016	Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh				1				
						Văn phòng UBND tỉnh	7	5	2	0	0		
6	05 chỗ	Toyota Corolla Altis	89A-00276	2015	Văn phòng UBND tỉnh				1				Tại cơ quan, đơn vị
7	07 chỗ	Toyota Fortuner	89B-3388	2010	Văn phòng UBND tỉnh				1				
						Sở Tài nguyên và Môi trường	5	3	1	0	1		
8	07 chỗ	Kiarondo Gat	89A-00375	2017	Sở Tài nguyên và Môi trường				1				Tại cơ quan, đơn vị
						Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Hưng Yên	3	1	2	0	0		
9	05 chỗ	Suzuki Swift	89A-00127	2012	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Hưng Yên				1				Tại cơ quan, đơn vị, xe vẫn sử dụng tốt
10	16 chỗ	Ford Transit	89A-00236	2002	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Hưng Yên				1				

II. Chuyển đổi công năng sử dụng xe ô tô từ xe ô tô phục vụ công tác chung sang xe ô tô chuyên dùng và điều chuyển cho đơn vị còn thiếu xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện sắp xếp xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP

STT	Thông tin về xe				Đơn vị chuyển đổi công năng và điều chuyển xe	Đơn vị tiếp nhận xe chuyển đổi công năng					Ghi chú	
	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng		Tên đơn vị	TCĐM xe CD tại QĐ 2235/QĐ-UBND	Số xe CD hiện có	Số xe tiếp nhận	Xe đủ điều kiện thanh lý		Xe còn thiếu sau xử lý
2	05 chỗ	Toyota Vios	89A-00175	2012	Chi cục QL CLNLS&TS	Chi cục QL CLNLS&TS	1	0	1	0	0	
3	05 chỗ	Toyota Vios	89M-00161	2012	TT Nước SH&VSMTNT	TT Nước SH&VSMTNT	1	0	1	0	0	
4	05 chỗ	Toyota Vios	89A-00130	2012	Chi cục Bảo vệ thực vật	Chi cục Bảo vệ thực vật	1	0	1	0	0	

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG, Ô TÔ CHUYÊN DÙNG (SAU CHUYỂN ĐỔI CÔNG NĂNG) CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Số lượng hiện có sau chuyển đổi công năng đến thời điểm 31/10/2024						Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô			Phương án sắp xếp xử lý xe ô tô				Số hiện có sau khi đã xử lý xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú
		Nhóm xe	Số lượng	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng, chủng loại xe PVCTC theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND	Số lượng, chủng loại xe CD theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	Tiếp nhận	PVCTC		Chuyên dùng		
									Số lượng (xe)	Chủng loại					Thừa (+)	Thiếu (-)	Thừa (+)	Thiếu (-)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21
TỔNG CỘNG			205					173	73		126	1	78	1	0	77	0	33	
A	KHỐI TỈNH		142					113	41		84	1	57	1	0	40	0	20	
1	Văn phòng Tỉnh ủy		4					5	1		4				1		1		
		PVCTC	4					5			4				1				Thiếu xe PVCTC đặc thù của tỉnh
			1	05 chỗ	Toyota	89A-001.30	2012				1								
			1	05 chỗ	Toyota	89B-2337	2004				1								
			1	16 chỗ	Toyota	89A-002.20	2014				1								
			1	07 chỗ	Toyota	89A-000.06	2011				1								
		CD							1	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi								1	
2	Văn phòng ĐDBQH&HDND tỉnh		8					6	1		5		3		1		1		
		PVCTC	8					6			5		3		1		1		
			1	05 chỗ	Toyota ALTIS	89B-1356	2006						1						
			1	05 chỗ	Toyota Camry	89B-1558	2002						1						
			1	05 chỗ	Toyota Camry	89A-002.98	2017				1								
			1	05 chỗ	Toyota corolla	89A-002.32	2019				1								
			1	05 chỗ	Toyota	89B-3999	2009						1						
			1	07 chỗ	Toyota Fortuner	89A-001.46	2015				1								
			1	07 chỗ	Toyota Inova 2.0	89A-001.21	2012				1								
			1	16 chỗ	Ford Transit Mid	89A-002.68	2016				1								
		CD							1	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi								1	
3	Văn phòng UBND tỉnh		9					7	2		6	1	2		1		2		
3.1	Văn phòng UBND tỉnh		8					7	1		6	1	1		1		1		Thiếu xe PVCTC đặc thù của tỉnh
		PVCTC	7					7			6	1			1				
			1	05 chỗ	Toyota Camry	89A-002.18	2017				1								
			1	05 chỗ	Toyota Camry	89A-006.99	2010				1								
			1	05 chỗ	Toyota Corolla Altis	89A-003.08	2017				1								
			1	05 chỗ	Toyota Corolla Altis	89A-000.17	2011					1							Điều chuyển 01 xe cho Sở Giao thông vận tải
			1	05 chỗ	Toyota Corolla Altis	89A-001.96	2013				1								
			1	05 chỗ	Toyota Corolla Altis	89A-002.76	2015				1								
			1	07 chỗ	Toyota Fortuner	89B-3388	2010				1								
		CD	1	15 chỗ	Toyota	89B-2599	2004		1	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi			1					1	

STT	Tên đơn vị	Số lượng hiện có sau chuyển đổi công năng đến thời điểm 31/10/2024						Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô			Phương án sắp xếp xử lý xe ô tô				Số hiện có sau khi đã xử lý xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú
		Nhóm xe	Số lượng	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng, chủng loại xe PVCTC theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND	Số lượng, chủng loại xe CD theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	Tiếp nhận	PVCTC		Chuyên dùng		
									Số lượng (xe)	Chủng loại					Thừa (+)	Thiếu (-)	Thừa (+)	Thiếu (-)	
3.2	Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh	CD	1	12 chỗ	Toyota Hiace	89B-1359	2004		1	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi			1				1		
4	Sở Tài chính		3					2	1		3								
		PVCTC	2					2			2								
			1	05 chỗ	Toyota	89A-00191	2012				1								
			1	05 chỗ	Toyota ALTIS	89A-00579	2017				1								
		CD	1	07 chỗ	Kia sorento	89A-003.22	2017		1	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi	1							Tiếp tục sử dụng đến khi đủ điều kiện thanh lý	
5	Ngành Giáo dục và đào tạo		5					10			2		3		8				
5.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	PVCTC	2					2			1		1		1				
			1	04 chỗ	Toyota	89A-000.38	2011				1								
			1	15 chỗ	Toyota	89B-1278	2003						1						
5.2	Trường PTTH Chuyên Hưng Yên	PVCTC	1	04 chỗ	Toyota	89B-1269	2001	1					1		1				
5.3	Trung tâm Giáo dục và thường xuyên tỉnh	PVCTC	2					1			1		1						
			1	05 chỗ	Toyota	89M-000.99	2013				1								
			1	12 chỗ	Toyota	89B-0735	2002						1						
5.4	Các trường PTTH theo QĐ số 930/QĐ-SGDĐT ngày 25/9/2024 của Sở GD&ĐT							6							6				
6	Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch		10					4	6		6		4		2		2		
6.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	PVCTC	1	05 chỗ	Toyota Corolla Altis	89A-000.88	2012	2			1				1				
6.2	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	PVCTC	1	7 chỗ	Kia Caren	89M-001.26	2013	1			1								
6.3	Nhà Hát chèo		5						4		4		1						
		PVCTC	1	05 chỗ	Mazda	89B-0001	2009						1						
		CD	4						4	02 xe tải; 02 xe trên 30 đến 45 chỗ ngồi	4								
			1	46 chỗ	Daewoo	89B-0386	2009				1								
			1	29 chỗ	Country	89M-001.83	2012				1								
			1	Xe tải	Thaco Hyundai	89A-003.35	2017				1								
			1	Xe tải 4,5 tấn	Hino	89M-001.70	2012				1								
6.4	Trung tâm Văn hóa tỉnh		2					1	1				2		1		1		
		PVCTC	0					1							1				
		CD	2						1	Xe được gắn biển hiệu nhận biết			2				1		
			1	05 chỗ	Ford	89B-0382	2006						1						
			1	07 chỗ	Suzuki	89B-0532	2005						1						
6.5	Trung tâm huấn luyện thi đấu thể thao	CD	1	29 chỗ	Huyndai	89B-2355	2003		1	Xe trên 24 đến 30 chỗ ngồi			1				1		

STT	Tên đơn vị	Số lượng hiện có sau chuyển đổi công năng đến thời điểm 31/10/2024						Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô			Phương án sắp xếp xử lý xe ô tô				Số hiện có sau khi đã xử lý xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú
		Nhóm xe	Số lượng	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng, chủng loại xe PVCTC theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND	Số lượng, chủng loại xe CD theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	Tiếp nhận	PVCTC		Chuyên dùng		
									Số lượng (xe)	Chủng loại					Thừa (+)	Thiếu (-)	Thừa (+)	Thiếu (-)	
7	Ngành khoa học và Công nghệ		4				2	3		3		1			1		1		
7.1	Sở Khoa học và Công nghệ	PVCTC	1	05 chỗ	Toyota Corolla Altis	89A-000.57	2012	2		1					1				
7.2	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		1						1			1					1		
		PVCTC	1	04 chỗ	Mazda 626	89B-1123	2002					1							
		CD						1	Xe gắn thiết bị chuyên dùng								1		
7.3	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	CD	1	bán tải	Suzuki	89M-001.68	2015		1	Xe tải	1							Tiếp tục sử dụng đến khi đủ điều kiện thanh lý	
7.4	Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ	CD	1	bán tải	Mekong Brimio Max 4x4	89A-00252	2013		1	Xe tải	1							Tiếp tục sử dụng đến khi đủ điều kiện thanh lý	
8	Ngành Giao thông vận tải		10				4	7		4		6	1		3		3		
8.1	Sở Giao thông vận tải		8				3	5		3		5	1		2		2	Tiếp nhận xe BKS 89A-00017 của Văn phòng UBND tỉnh	
		PVCTC	3				3					3	1		2				
			1	05 chỗ	Ford	89B-2729	2003					1							
			1	05 chỗ	Nissan	89B-1888	2004					1							
			1	07 chỗ	Jolie	89B-2789	2003					1							
		CD	5					5	Xe được gắn biển hiệu nhận biết	3		2					2		
			1	16 chỗ	Ford Transit	89A-000.46	2011			1									
			1	05 chỗ	Hilux	89A-001.74	2018			1									
			1	bán tải	Huanghai - Premiomax GS	89A-002.04	2014			1									
			1	bán tải	Ford	89B-2626	2007					1							
			1	07 chỗ	Daihatsu-Citivan	89B-1919	2005					1							
8.2	Ban điều hành vận tải và kiểm tra tải trọng xe		2					1		1		1							
		PVCTC	1	04 chỗ	Kia	89B-0889	2000					1							
		CD	1	12 chỗ	Ford - Couty HM	89A-001.68	2013		1	Xe gắn thiết bị chuyên dùng	1								
8.3	Ban quản lý dự án công trình giao thông		0				1	1						1		1			
		PVCTC					1							1					
		CD						1	Xe được gắn biển hiệu nhận biết								1		
9	Ngành Nội vụ		4				2	2		1		3		1		2			
9.1	Sở Nội vụ		2				2	1		1		1		1		1			
		PVCTC	2				2			1		1		1					
			1	04 chỗ	Toyota ALTIS 1.8	89A-001.77	2013			1									
			1	04 chỗ	Toyota Camry	89B-2728	2001					1							

STT	Tên đơn vị	Số lượng hiện có sau chuyển đổi công năng đến thời điểm 31/10/2024						Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô		Phương án sắp xếp xử lý xe ô tô				Số hiện có sau khi đã xử lý xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú	
		Nhóm xe	Số lượng	Chung loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng, chủng loại xe PVCTC theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND	Số lượng, chủng loại xe CD theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	Tiếp nhận	PVCTC		Chuyên dùng		
									Số lượng (xe)	Chủng loại					Thừa (+)	Thiếu (-)	Thừa (+)		Thiếu (-)
		CD						1	Xe được gắn biển hiệu nhận biết									1	
9.2	Trung tâm lưu trữ tỉnh	CD	1	07 chỗ	ISUZU	89B-1459	1998	1	Xe được gắn biển hiệu nhận biết			1						1	
9.3	Ban Thi đua khen thưởng	PVCTC	1	04 chỗ	ALTIS 1.8	89B-2367	2004					1							
10	Ngành Tài nguyên và Môi trường		9					5		4		5			1				
10.1	Sở Tài nguyên và Môi trường	PVCTC	5					4		3		2			1				
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-001.36	2013			1									
			1	07 chỗ	Santafe	89A-003.24	2010			1									
			1	07 chỗ	Kiarondo Gat	89A-003.75	2017			1									
			1	07 chỗ	Kia Carens	89B-002.48	2012					1							Hư hỏng nặng không thể kiểm định
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89B-1233	2000					1							
10.2	Văn phòng đăng ký đất đai	PVCTC	1	05 chỗ	Toyota Vios	89A-002.85	2012	1		1									
10.3	TT phát triển quỹ đất	PVCTC	1	05 chỗ	Toyota Corolla	89B-0979	1999					1							
10.4	TT kỹ thuật TN&MT	PVCTC	1	05 chỗ	Mazda 323	89B-0295	2004					1							
10.5	Trung tâm Quan Trắc TN&MT	CD	1	05 chỗ	Mekong	89M-001.57	2013					1							Hư hỏng nặng không thể kiểm định
11	Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội		7					5	4	3		4			3			3	
11.1	Cơ quan Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	PVCTC	2					2		2									89B-2737 - QĐTL số 59/QĐ-STC ngày 15/3/2022 chưa thanh lý
			1	05 chỗ	Toyota	89A-001.03	2012			1									
			1	07 chỗ	Ford Everest	89A- 001.40	2016			1									
11.2	Trường PHCN và DN cho người khuyết tật Tiên Lữ	PVCTC	1	05 chỗ	Toyota	89A-002.87	1999	1				1			1				
11.3	Trung tâm Điều dưỡng chăm sóc Người có công	CD							1									1	
11.4	Trung tâm Điều dưỡng Tâm thần kinh		2					1	1	1		1			1				
		PVCTC	1	05 chỗ	Toyota Altis	89B-2222	2004	1				1							
		CD	1	cứu thương	Mitsubishi	89B-0699	2007		1										
11.5	Trung tâm PHCN và Dạy nghề cho Người khuyết tật Khoái Châu	PVCTC	1	07 chỗ	Daihatsu	89B-2348	2005	1				1			1				
11.6	Trung tâm bảo trợ xã hội và công tác xã hội	CD							1									1	
11.7	Cơ sở điều trị nghiện ma túy	CD	1	cứu thương	Hyundai	89B-3052	2009		1			1						1	
12	Ngành Nông nghiệp & PTNT		14					5	7	9		5						2	
12.1	Sở Nông nghiệp & PTNT	PVCTC	3					2		2		1							
			1	05 chỗ	Toyota	89B-1169	2000					1							

STT	Tên đơn vị	Số lượng hiện có sau chuyển đổi công năng đến thời điểm 31/10/2024						Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô			Phương án sắp xếp xử lý xe ô tô				Số hiện có sau khi đã xử lý xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú
		Nhóm xe	Số lượng	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng, chủng loại xe PVCTC theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND	Số lượng, chủng loại xe CD theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	Tiếp nhận	PVCTC		Chuyên dùng		
									Số lượng (xe)	Chủng loại					Thừa (+)	Thiếu (-)	Thừa (+)	Thiếu (-)	
13.13	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, phục phẩm	PVCTC	1	05 chỗ	Mazda	89B-0216	2002	1					1			1			
13.14	Các đơn vị còn lại	PVCTC						8											SYT chưa xây dựng TCDM theo Quyết định 1049/QĐ-SYT ngày 30/9/2024
14	Sở Xây dựng	PVCTC	3					2							1				
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89A-000.42	2011								1				
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89B-2256	2005						1						
			1	05 chỗ	Mítubishi	89B-3123	2005						1						
15	Sở Thông tin và Truyền thông	PVCTC	2					2					2		2				
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89B-2828	2006						1						
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89A-000.41	2000						1						
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	PVCTC	2					2					2						
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-001.60	2012						1						
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-000.28	2011						1						
17	Sở Tư Pháp	PVCTC	2					2					1	1		1			
			1	05 chỗ	Toyota	89A-000.55	2012						1						
			1	05 chỗ	Mitsubishi LANCER	89B-1529	2002						1						
18	Sở Công Thương	PVCTC	2					2					1	1		1			
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-000.34	2011						1						
			1	05 chỗ	Mazda 626	89B-2845	2002						1						
19	Thanh tra tỉnh	PVCTC	2					2					1	1		1			
			1	05 chỗ	Toyota Altis 1.8	89A-000.39	2011						1						
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89B-2559	2000						1						
20	Ban Quản lý các KCN	PVCTC	2					2						2		2			
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-001.70	2004						1						
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89A-001.15	2000						1						
21	Ban QL Khu ĐH Phố Hiến	PVCTC	1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-000.01	2010	1					1						
22	Ban quản lý dự án đầu tư công trình giao thông - xây dựng	PVCTC	1	05 chỗ	Mitsubishi	89B-2746	2004	1					1		1				
23	Đài Phát thanh và Truyền hình		4					3	4				4					3	
		PVCTC	3					3					3						
			1	05 chỗ	Toyota ALTIS	89A-002.84	2012						1						
			1	05 chỗ	Suzuki Swift	89A-001.27	2012						1						
			1	xe 16 chỗ	Ford Transit	89A- 002.36	2002						1						

STT	Tên đơn vị	Số lượng hiện có sau chuyển đổi công năng đến thời điểm 31/10/2024						Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô			Phương án sắp xếp xử lý xe ô tô				Số hiện có sau khi đã xử lý xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú
		Nhóm xe	Số lượng	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng, chủng loại xe PVCTC theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND	Số lượng, chủng loại xe CD theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	Tiếp nhận	PVCTC		Chuyên dùng		
									Số lượng (xe)	Chủng loại					Thừa (+)	Thiếu (-)	Thừa (+)	Thiếu (-)	
1.2	Văn phòng HDND - UBND TP Hưng Yên	PVCTC	2					3			1		1			2			
			1	04 chỗ	Toyota	89A-000.29	2011				1								
			1	04 chỗ	Toyota	89A-002.99	2003						1						
1.3	Hạt giao thông TP Hưng Yên	CD	3						3	01 Xe được gắn biển hiệu nhận biết; 02 xe tải	2		1					1	
			1	Bán tải	Mítubishi	89A-002.33	2015				1								
			1	xe tải	Kia	89A-003.52	2014				1								
			1	xe tải	Kia	89B-1130	2005						1						
1.4	Trung tâm văn hóa và truyền thanh thành phố	CD	1	Bán tải	Mítubishi	89A-002.42	2015		1	Xe được gắn biển hiệu nhận biết	1								
2	Huyện Tiên Lữ		6					6	3		4		2		4		1		
2.1	Huyện ủy Tiên Lữ	PVCTC	2					3			1		1		2				
			1	05 chỗ	Toyota Altis 1.8	89A -000.35	2011				1								
			1	05 chỗ	Toyota Altis 1.8	89B - 1239	2006						1						
2.2	Văn phòng HDND - UBND huyện Tiên Lữ		4					3	3		3		1		2		1		
		PVCTC	2					3			1		1		2				
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-000.62	2012				1								
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89B-1557	2004						1						
		CD	2						3	Xe có kết cấu đặc biệt	2							1	
			1	chở rác	Hino	89A-000.31	2010				1								
			1	chở rác	Cừu long	89A-002.25	2014				1								
3	Huyện Phù Cừ		5					6	3		5				3		1		
3.1	Huyện ủy Phù Cừ	PVCTC	2					3			2				1				
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-001.02	2013				1								
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89B-000.33	2011				1								
3.2	Văn phòng HDND - UBND huyện Phù Cừ		3					3	3		3				2		1		
		PVCTC	1	05 chỗ	Toyota	89A-000.27	2011	3			1				2				
		CD	2						3	Xe có kết cấu đặc biệt	2							1	
			1	chở rác	THACO	89A-000.10	2011				1								
			1	chở rác	Hino	89A-001.82	2016				1								
4	Huyện Kim Động		6					6	3		4		2		4		1		
4.1	Huyện ủy Kim Động	PVCTC	2					3			1		1		2				
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-000.89	2012				1								
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89B -2898	2004						1						
4.2	Văn phòng HDND - UBND huyện Kim Động		4					3	3		3		1		2		1		
		PVCTC	2					3			1		1		2				
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-000.09	2011				1								
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89B-1477	2000						1						

STT	Tên đơn vị	Số lượng hiện có sau chuyển đổi công năng đến thời điểm 31/10/2024						Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô			Phương án sắp xếp xử lý xe ô tô				Số hiện có sau khi đã xử lý xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức				Ghi chú	
		Nhóm xe	Số lượng	Chủng loại (số chỗ ngồi)	Nhãn hiệu	Biển kiểm soát	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng, chủng loại xe PVCTC theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND	Số lượng, chủng loại xe CD theo Quyết định số 2335/QĐ-UBND		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Điều chuyển	Thanh lý	Tiếp nhận	PVCTC		Chuyên dùng			
									Số lượng (xe)	Chủng loại					Thừa (+)	Thiếu (-)	Thừa (+)	Thiếu (-)		
8	Thị xã Mỹ Hào		7																	
8.1	Thị ủy Mỹ Hào	PVCTC	2				2	4		1		1				1				
			1	05 chỗ	Toyota Camry	89A-002.91	2017			1										
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89B-2878	2006					1								
8.2	Văn phòng HĐND - UBND thị xã Mỹ Hào	PVCTC	2				2			1		1				1				
			1	04 chỗ	Toyota	89A-000.16	2011			1										
			1	08 chỗ	Misubishi Jolie	89B-0627	2003					1								
8.3	Hạt giao thông và môi trường thị xã		3				1	4		3						1			1	
		PVCTC					1									1				
		CD	3					4	Xe có kết cấu đặc biệt	3									1	
			1	chở rác	Hino WU 422L	89A-000.44	2011			1										
			1	chở rác	Hyundai HD 700	89A-000.19	2016			1										
			1	chở rác	Hino FC9JESW	89A-002.47	2016			1										
8.4	Trung tâm văn hóa và truyền thanh thị xã						1									1				
9	Huyện Văn Lâm		5				6	3		3		2			3		3			
9.1	Huyện ủy Văn Lâm	PVCTC	1				2			1					1					
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-001.32	2011			1										
9.2	Văn phòng HĐND - UBND huyện Văn Lâm	PVCTC	3				4			2		1			2					
			1	05 chỗ	Toyota Altis	89A-000.36	2011			1										
			1	04 chỗ	Toyota Corlla	89B-0267	1999					1								
			1	05 chỗ	Toyota	89B-2079	2006			1										
9.3	Hạt giao thông và môi trường huyện	CD	1	chở rác	Hyundai HD 700	89A-00261	2016		3	Xe có kết cấu đặc biệt			1						3	Xe bị cháy
10	Huyện Văn Giang		6				6	3		4		2			4		1			
10.1	Huyện ủy Văn Giang	PVCTC	2				3			1		1			2					
			1	05 chỗ	Toyota ALTIS	89A-00025	2011			1										
			1	05 chỗ	Toyota Camry	89B-2755	2001					1								
10.2	Văn phòng HĐND - UBND huyện Văn Giang		4				3	3		3		1			2				1	
		PVCTC	2				3			1		1			2					
			1	07 chỗ	Misubishi Jolie	89B-2429	2002					1								
			1	05 chỗ	Toyota Corolla	89A-00068	2012			1										
		CD	2					3	Xe có kết cấu đặc biệt	2									1	
			1	chở rác	HINO WU	89A-0047	2010			1										
			1	chở rác	Hyundai HD 700	89A-00128	2016			1										

Ghi chú: xe PVCTC (1) là Xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (gồm cả xe bán tải) quy định tại Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh